

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 31

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050068	Nguyễn Hữu Phát	19/02/2003	CCQ2205B	1		8.8	5,0	6,5	
2	2123150058	Nguyễn Như Phát	01/01/2005	CCQ2315B	1		7.8	2,0	4,3	
3	2123150012	Võ Văn Phát	07/07/2005	CCQ2315A	1		8.3	3,3	5,3	
4	2123150060	Huỳnh Nhựt	19/08/2005	CCQ2315A						
5	2123150005	Đỗ Văn Phú	05/10/2005	CCQ2315A	1		8.7	2,5	5,0	
6	2122050069	Huỳnh Ngọc Phúc	10/12/2003	CCQ2205B	1		7.3	4,3	5,5	
7	2123150013	Võ Hồng Phúc	30/11/2005	CCQ2315A			7.0			
8	2123150022	Lê Minh Quân	12/11/2005	CCQ2315A						
9	2123150027	Lê Văn Quyền	01/01/2004	CCQ2315A	1		8.3	1,8	4,4	
10	2123150063	Phan Huy Sang	08/03/2005	CCQ2315B			5.8			
11	2123150051	Huỳnh Tấn Sanh	17/09/2005	CCQ2315B			3,8	0,0	4,5	Có tham gia thi cuối kỳ
12	2123150047	Phạm Đăng Sơn	29/03/2005	CCQ2315B	1		8.8	0,8	4,0	
13	2123150046	Phan Thành Sỹ	24/07/2005	CCQ2315B	1		7.2	0,5	3,2	
14	2123150057	Bùi Đức Tài	15/10/2004	CCQ2315B	1		8.7	6,0	7,1	
15	2123150071	Cao Nguyên Thái	20/08/2004	CCQ2315B	1		8.0	3,0	5,0	
16	2123150062	Nguyễn Minh Thắng	23/10/2005	CCQ2315B	1		6.7	2,5	4,2	
17	2123150016	Trần Ngọc Thanh	29/12/2005	CCQ2315A			0.0			
18	2123150066	Huỳnh Thế Thịnh	07/01/2005	CCQ2315B						
19	2123150042	Trần Thanh Thông	14/06/2005	CCQ2315B	1		9.0	5,8	7,1	
20	2123150039	Phạm Đình Thuận	23/08/2005	CCQ2315B	1		2,5	0,8	4,4	
21	2123150025	Khúc Văn Tiến	05/10/2005	CCQ2315A	2		8.8	5,5	6,8	
22	2123150008	Nguyễn Chí Tiến	09/04/2005	CCQ2315A	2		8.3	8,5	8,4	
23	2120050128	Nguyễn Hoàng Tiến	11/04/2000	CCQ2005A	1		7.7	8,0	7,9	
24	2123150098	Nguyễn Tân Tiến	31/08/2003	CCQ2315A			0.0			
25	2123150041	Nguyễn Ngọc Toàn	06/11/2005	CCQ2315B	1		8.0	0,5	3,5	
26	2123150053	Nguyễn Hữu Trí	20/04/2005	CCQ2315B	1		9.0	9,0	9,0	
27	2123150080	Đỗ Văn Triều	16/09/2005	CCQ2315B	1		9.0	10	9,6	
28	2123150038	Trào Công Trinh	20/10/2005	CCQ2315B	1		7.0	00	2,8	
29	2123150068	Phạm Thành Trung	01/06/2005	CCQ2315B						

(*) : Không có tên tuy danh sách tên họ Hoàng (6/5/24)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 31

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
30	2123150017	Phạm Minh	Trưởng	17/01/2003	CCQ2315A	2 Trưởng	9.5	8,0	8,6	
31	2123150032	Phạm Quang	Trưởng	01/01/2005	CCQ2315A	1 Tuấn	8.5	0,3	3,6	
32	2123150018	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	03/04/2005	CCQ2315A	1 Tuấn	6.7	1,8	3,8	
33	2123150024	Võ Anh	Tuấn	19/11/2005	CCQ2315A	1 Tuấn	6.8	0,0	2,7	
34	2123150049	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/01/2005	CCQ2315B	1 Tuấn	9.0	7,0	7,8	
35	2123150048	Vũ Khắc	Tuấn	22/08/2005	CCQ2315B	1 Tuấn	9.0	4,5	6,3	
36	2123150052	Trần Long	Vĩ	04/05/2005	CCQ2315B	1 Tuấn	6.5	0,5	2,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825604)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050125	Nguyễn Hoàng Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	01	Phúc	8.0	6.0	6.8	
2	2122050148	Nguyễn Minh Phúc	14/07/2004	CCQ2205C	1	Phúc	8.0	1.0	3.8	
3	2123050130	Nguyễn Thanh Phúc	25/03/2004	CCQ2305C			0.0			
4	2123050147	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D	1	Phúc	8.0	8.0	8.0	
5	2123050095	Đặng Thanh Quân	04/01/2005	CCQ2305C	1	Quân	8.3	3.8	5.6	
6	2122050056	Lê Thanh Quang	24/11/2004	CCQ2205B	1	Quang	8.0	5.8	6.7	
7	2123050101	Nguyễn Anh Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1	Anh Quang	7.0	4.3	5.4	
8	2123050107	Phạm Huỳnh Quốc	15/11/2005	CCQ2305C	1	Quốc	8.3	9.0	8.7	
9	2123050158	Quảng Đại Sang	19/10/2005	CCQ2305D	1	Sang	8.0	6.5	7.1	
10	2123050090	Đỗ Nhật Tân	19/04/2005	CCQ2305C	1	Tân	6.0	9.8	2.9	
11	2123050157	Trương Ngọc Thái	04/09/2005	CCQ2305D	1	Thái	7.0	8.3	7.8	
12	2123050120	Đặng Mậu Thành	15/06/2005	CCQ2305C	1	Thành	7.3	6.5	8.8	
13	2123050191	Võ Triệu Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	2	Thiên	7.0	8.5	7.9	
14	2123050097	Nguyễn Văn Thông	01/11/2005	CCQ2305C	1	Thông	6.7	1.0	3.3	
15	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C	1	Thuận	7.0	9.5	2.8	
16	2123050187	Phạm Công Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	1	Tiến	7.0	7.0	7.0	
17	2123050132	Nguyễn Đức Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	1	Toàn	7.3	4.3	5.5	
18	2123050163	Nguyễn Minh Toàn	18/12/2005	CCQ2305D						
19	2123050102	Nguyễn Quốc Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	1	Toàn	6.0	4.8	5.3	
20	2123050161	Trần Đàm Triết	01/01/2005	CCQ2305D						
21	2123050114	Trần Minh Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	1	Trọng	6.0	9.5	2.7	
22	2123050164	Nguyễn Lê Thành Trung	19/06/2005	CCQ2305D	1	Trung	7.0	4.0	5.2	
23	2123050148	Bùi Đan Trường	13/04/2005	CCQ2305D	1	Trường	7.3	4.3	5.5	
24	2123050093	Bùi Duy Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	1	Tuấn	6.3	5.8	6.0	
25	2123050123	Trần Nhật Tường	12/08/2005	CCQ2305C	1	Tường	7.0	3.8	5.1	
26	2123050159	Châu Ngọc Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	1	Tuy	8.0	4.3	5.8	
27	2123050154	Lê Tiến Anh Việt	03/07/2005	CCQ2305D			0.0			
28	2123050215	Đặng Ngọc Vinh	19/07/2005	CCQ2305D						

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825604)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Vòng	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050156	Trịnh Minh	Vòng	07/02/2005	CCQ2305D	1	Vong	8.0	4,0	5,6	
30	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	1	Lo	7.0	4,0	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825604)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050171	Nào Văn	02/05/2005	CCQ2305D	1	Đieu	6.5	9.5	2.9	
2	2123050217	Bùi Quốc	06/01/2004	CCQ2305D	1	Duy	6.7	5.0	5.7	
3	2123050167	Đặng Đức	08/11/2005	CCQ2305D	1	Đ	8.0	5.5	6.5	
4	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	30/09/2005	CCQ2305D	1	Duy	6.3	0.5	2.8	
5	2123050149	Đặng Vũ	17/07/2005	CCQ2305D		✓				
6	2123050139	Trần Đức	01/06/2005	CCQ2305C	1	Hà	8.0	4.8	6.1	
7	2123050146	Lê Tuấn	21/12/2005	CCQ2305D	1	Đ	7.0	1.0	3.4	
8	2123050134	Bá Trung	05/08/2005	CCQ2305C	1	Đ	8.0	7.0	7.4	
9	2123050136	Nguyễn Văn	12/03/2005	CCQ2305C	1	Hiếu	8.0	6.8	7.3	
10	2123050128	Trần Duy	14/11/2005	CCQ2305C	1	Hiếu	8.3	3.8	5.6	
11	2123050186	Nguyễn Ngọc	23/10/2005	CCQ2305C	1	Hòa	8.0	4.0	5.6	
12	2123050092	Phạm Ngọc	21/04/2005	CCQ2305C	1	Đ	7.0	1.0	3.4	
13	2122150057	Huỳnh Huy	17/08/2004	CCQ2215C	1	Hùng	8.0	3.5	5.3	
14	2123050099	Nguyễn Thanh	17/06/2003	CCQ2305C	1	Đ	7.7	6.5	7.0	
15	2122050139	Võ Văn	23/01/2004	CCQ2205C	1	Hùng	8.0	5.3	6.4	
16	2123050153	Nguyễn Võ Tri	25/12/2005	CCQ2305D		✓				
17	2123050190	Trần Hữu Nam	19/11/2005	CCQ2305D	1	Khánh	8.3	5.0	6.3	
18	2123050110	Đỗ Tấn	06/11/2005	CCQ2305C	1	Kh	7.7	7.0	7.3	
19	2123050144	Nguyễn Văn	31/05/2005	CCQ2305D		✓				
20	2123050135	Bá Trung	05/08/2005	CCQ2305C	1	Đ	8.3	5.0	6.3	
21	2123050179	Thạch Hoàng	12/10/2004	CCQ2305D	1	Đ	8.3	5.0	6.3	
22	2123050138	Phạm Nguyễn Công	30/01/2005	CCQ2305C	1	Đ	6.0	0.0	2.4	
23	2123050109	Lâm Văn	29/01/2005	CCQ2305C	1	Đ	8.3	7.5	7.6	
24	2123050141	Vũ Xuân	16/11/2005	CCQ2305D	1	Nguyễn	6.7	2.0	3.9	
25	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	17/04/2005	CCQ2305C	1	Nhật	7.0	1.0	3.4	
26	2123050100	Nguyễn Trung	16/12/2004	CCQ2305C	1	Niên	5.7	6.0	5.9	
27	2123050126	Nguyễn Đình	24/10/2005	CCQ2305C	1	Ninh	6.2	1.0	3.1	
28	2123050143	Cao Lâm Triều	19/01/2004	CCQ2305D	1	Phát	7.0	3.8	5.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825604)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

(Handwritten signatures and notes)
Cán bộ coi thi 1: *Phúc*
Cán bộ coi thi 2: *Phúc*
G.Viên chấm thi 1: *Trần Văn Hoàng*
G.Viên chấm thi 2: *Phan Thị Mỹ*
Tô thi: *Mỹ*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050121	Mai Võ Tuấn	Phong	10/09/2005	CCQ2305C	1	<i>phong</i>	6.3	4,3	5,1	
30	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1	<i>ph</i>	6.3	0,0	2,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D7-40

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26 + 1 = 27

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123150067	Lê Nhật Anh	25/08/2005	CCQ2315B	1		7.0	2,3	4,2	
2	2123150006	Lê Hữu Bằng	08/06/2005	CCQ2315A	1		8.7	4,8	6,4	
3	2123150034	Nguyễn Văn Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A	1	Cảnh	8.0	2,0	4,4	
4	2123150044	Lê Đình Chương	15/05/2005	CCQ2315B	1	Chương	7.3	3,5	5,0	
5	2123150009	Trần Thành Danh	07/03/2005	CCQ2315A						
6	2123150031	Lê Thành Đạt	13/11/2005	CCQ2315A						
7	2123150002	Nguyễn Bá Đạt	08/05/2003	CCQ2315B	1	Đạt	9.0	3,5	5,7	
8	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến Đạt	05/02/2005	CCQ2315B	1	Đạt	7.7	00	3,1	
9	2123150030	Nguyễn Thành Đạt	17/08/2005	CCQ2315A	1	Đạt	6,5	00	2,6	*
10	2123150054	Trần Thành Đạt	19/05/2005	CCQ2315B	1	Đạt	8.0	6,3	7,0	
11	2123150043	Huỳnh Quốc Duy	11/09/2003	CCQ2315B	1	Duy	8.2	3,8	5,6	
12	2123150010	Trần Khánh Duy	26/08/2005	CCQ2315A						
13	2123150036	Võ Hồ Bảo Duy	14/06/2005	CCQ2315A	2	Duy	8.8	8,0	8,3	
14	2123150050	Phạm Ngọc Hiền	14/03/2005	CCQ2315B	1	Hiền	5.8	0,8	2,8	
15	2123150020	Đoàn Hoàng Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A	1	Hiệp	6.2	0,3	2,7	
16	2123150035	Trần Minh Hồ	06/05/2005	CCQ2315A						
17	2123150045	Nguyễn Đức Hoà	07/09/2005	CCQ2315B	1	Hoà	9.0	5,5	6,9	
18	2123150061	Nguyễn Nhất Hòa	21/05/2005	CCQ2315B	1	Hòa	8.5	2,8	5,1	
19	2123150059	Nguyễn Minh Hoàn	07/01/2005	CCQ2315B	1	Hoàn	9.0	10	9,6	
20	2123150040	Phạm Văn Minh Hoàng	08/10/2005	CCQ2315B						
21	2123150019	Lê Văn Hưng	13/01/2005	CCQ2315A	1	Hưng	8.7	2,5	5,0	
22	2123150007	Lê Thanh Huy	28/03/2005	CCQ2315A	1	Huy	8.5	2,8	5,1	
23	2123150064	Nguyễn Kim Huy	26/01/2005	CCQ2315B			6.5			
24	2123150003	Phạm Duy Khanh	07/05/2004	CCQ2315A	1	Khanh	8.0	9	8,6	
25	2123150015	Phan Nguyễn Nhật Khoa	22/08/2005	CCQ2315A						
26	2123150073	Phan Đình Khôi	27/05/2003	CCQ2315B			0.0			
27	2123150029	Trương Tuấn Kiệt	28/01/2005	CCQ2315A	1	Kiệt	8.0	6,5	7,1	
28	2123150037	Trần Hoài Linh	13/09/2005	CCQ2315A	1	Linh	8,2	0,5	3,6	*
29	2123150021	Nguyễn Thành Lộc	08/05/2003	CCQ2315A	1	Lộc	6,8	1,0	3,3	*

(*) : Không có tên tuy danh sách tiên hệ Hạng (6/5/24)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Trang bị điện (22825601)

Ngày thi: 26/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D7-40

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26 + 1 = 27

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
30	2123150023	Tô Hữu	Lực	29/01/2005	CCQ2315A	1	Lực	7.8	1.3	3.9	
31	2123150033	Phan Văn	Minh	20/09/2004	CCQ2315A						
32	2123150070	Lê Hoài	Nam	05/10/2005	CCQ2315B	1	Hoài	7.8	4.8	6.0	
33	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B	1	Nhân	8.5	7.5	7.9	
34	2120050084	Lê Văn	Nhất	01/01/2002	CCQ2005C	1	Nhất	8.2	5.0	6.3	
35	2123150014	Nguyễn Hồng	Nhật	01/06/2005	CCQ2315A	1	Nhật	8.5	3.3	5.4	